

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 /11/2021

V/v: “Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lưu Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hòa

Ông Trần Quang Cường

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Mạnh Hùng; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm; chức vụ : Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Điều Thị Thu L, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: thôn S, xã A, huyện B, tỉnh P.

**- Bị đơn:** anh Đinh Văn T ( N); sinh năm 1984 ( Có mặt)

ĐKKH: thôn S, xã A, huyện B, tỉnh P.

Hiện trú tại: thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Điều Thị Thu L trình bày:*

Chị L và anh Đinh Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2011 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, ngày 26/6/2011. Tuy nhiên trước đó vào năm 2005 anh Đinh Văn T đã kết hôn với chị Đinh Thị E tại UBND xã B, huyện S, tỉnh D; theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, ngày 24/02/2005 nhưng chưa ly hôn. Năm 2019 chị L yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh T, đồng thời giải quyết về con chung; tại bản án số 95/2019/HNGĐ – ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị L và anh T, về con chung có 02 cháu Đinh Điều Thu F, sinh ngày 23/02/2009 và cháu

Đinh Điều Huê Q sinh ngày 15/12/2013 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản không yêu cầu giải quyết nhưng sau đó anh T yêu cầu tính công sức đóng góp phía chị L phải trả tiền qua cho anh T nên hoàn cảnh kinh tế của chị L hiện nay rất khó khăn không có khả năng để nuôi các con ăn học nên chị L yêu cầu anh T phải có trách nhiệm với các con, chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000đ đến khi các cháu thành niên. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm; tài liệu chứng cứ đã nộp tại tòa án nay không giao nộp gì thêm.

*Bị đơn anh Đinh Văn T trình bày:*

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng; anh T và chị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2011 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, ngày 26/6/2011; trước đó vào năm 2005 anh Đinh Văn T đã kết hôn với chị Đinh Thị E tại UBND xã B, huyện S, tỉnh D nhưng chưa làm thủ tục ly hôn; Năm 2019 chị L yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật đồng thời giải quyết về con chung; tại bản án số 95/2019 HNGĐ – ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị L, về con chung có 02 cháu Đinh Điều Thu F, sinh ngày 23/02/2009 và cháu Đinh Điều Huê Q sinh ngày 15/12/2013 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; nay chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000đ, tổng cộng là 3.000.000đ/ 01 tháng anh T không đồng ý vì anh T không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đi làm thuê không có tiền để cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, anh T không yêu cầu giải quyết gì thêm; không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Điều Thị Thu L yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh Đinh Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là các cháu Đinh Điều Thu F, sinh ngày 23/02/2009 và cháu Đinh Điều Huê Q sinh ngày 15/12/2013 hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng với mức cấp dưỡng mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000đ cho đến khi các cháu thành niên.

Tại bản án số 95/2019 HNGĐ – ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Điều Thị Thu L và anh Đình Văn T, về con chung có 02 cháu Đình Điều Thu F, sinh ngày 23/02/2009 và cháu Đình Điều Huê Q sinh ngày 15/12/2013 chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; nay chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000đ phía anh T không đồng ý vì anh T cho rằng anh không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đi làm thuê không có tiền để cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Anh T đang trong độ tuổi lao động là người có sức khỏe, qua lời khai anh Điều N trú tại thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh P xác định được trong thời gian qua anh T có làm việc cho anh N với công việc là phụ xe ô tô được anh N trả tiền công theo chuyến, mỗi chuyến từ 200.000đ đến 300.000đ; biên bản xác minh tại địa phương xã Đ, huyện B, tỉnh P nơi anh T đang sinh sống xác định được ngày công lao động tại địa phương bình quân từ 200.000đ đến 300.000đ; theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “ *Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên....* ”; hiện nay cả hai cháu Đình Điều Thu F, sinh ngày 23/02/2009 và cháu Đình Điều Huê Q sinh ngày 15/12/2013 đều đang chung sống với chị L, đang ở độ tuổi vị thành niên, đang đi học do đó cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu; phía chị L yêu cầu mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000đ là phù hợp cần chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 82, 83, 107 và 110 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Điều Thị Thu L; buộc anh Đình Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Đình Điều Thu F, sinh ngày 23/02/2009 và cháu Đình Điều Huê Q sinh ngày 15/12/2013 mỗi tháng, mỗi cháu là 1.500.000đ ( Một triệu năm trăm ngàn đồng) từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu thành niên.

[2] Án phí hôn nhân gia đình: buộc anh Đình Văn T phải nộp 300.000đ án phí DSST.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

[3] Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XE XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Thùy Linh**